

Số: 137/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Chị N.H.Y, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú và trú tại: G4 - 1814 Five Star Garden, 2 KG, phường KG, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Anh N.Q.A, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú và trú tại: số 17 PHT, phường TB, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N.H.Y và anh N.Q.A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường LH, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ngày 28/12/2016.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, hai bên không còn yêu thương nhau, không còn sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình. Mặc dù gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân của vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng ly thân đã lâu. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể, anh, chị cùng đề nghị được Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị N.H.Y và anh N.Q.A có 02 con chung là N.H.M.K, sinh ngày 02/02/2016 và N.H.G.P, sinh ngày 02/06/2020. Anh chị thỏa thuận chị

Y. sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là N.H.G.P; anh Q.A sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là N.H.M.K.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị N.H.Y và anh N.Q.A tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Chị N.H.Y và anh N.Q.A không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Chị Y. tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị N.H.Y và anh N.Q.A.

- Về con chung: Chị N.H.Y và anh N.Q.A có 02 con chung là N.H.M.K, sinh ngày 02/02/2016 và N.H.G.P, sinh ngày 02/06/2020. Ly hôn, chị Y. sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là N.H.G.P; anh Q.A sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là N.H.M.K.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản..

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị N.H.Y và anh N.Q.A tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N.H.Y và anh N.Q.A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Y. tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0012989** ngày 25.3.2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Kiều My